

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HS-ST  
Ngày 31-8-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Minh Chiến

Bà Nguyễn Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1/ Họ và tên: Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1997 tại thị xã A, tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 1, xã A, thị xã T, tỉnh G; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc M (chết) và bà Võ Thị X, sinh năm 1957; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2011 bị đưa vào Trường giáo dưỡng số 3 Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với thời hạn 24 tháng về hành vi hiếp dâm theo Quyết định số: 1973 ngày 11/5/2011 của UBND thị xã A, tỉnh G. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh B trong một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2/ Họ và tên: Nguyễn Hùng Long H2**, sinh ngày 23/01/2000 tại huyện M, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh B trong một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:** Vợ chồng anh Trần Quốc H (sinh năm 1983), có mặt, chị Nguyễn Thị Thanh Y (sinh năm 1992), vắng mặt; cùng nơi cư trú: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh B.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Võ Thị X, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thị xã A, tỉnh G, có mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thị xã A, tỉnh G, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 14/10/2017, Nguyễn Hùng Long H2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81G1-170.88 chở Nguyễn Ngọc H1 theo hướng Quốc lộ 19 từ thành phố Q về thị xã A, tỉnh G. Khi đến trước nhà anh Trần Quốc H thì cả hai dừng xe trú mưa. Lúc này, H1 nhìn thấy trong sân nhà anh H có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh-bạc biển kiểm soát 77G1-417.78 gắn chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý thức chiếm đoạt. H1 rủ H2 lấy trộm xe này. H2 đồng ý. H2 điều khiển xe chạy lên xuống để cảnh giới, còn H1 sau khi lấy 01 tuốc nơ vít trong cốp xe mô tô 81G1-170.88 của H2 và 01 cái kiềm trong ba lô của H1 thì đến cạy phá ổ khóa cổng, vào sân nhà anh H dắt xe mô tô biển kiểm soát 77G1-417.78 ra Quốc lộ 19, khởi động rồi điều khiển xe này chạy về thị xã A. Trên đường về, khi đến khu vực đập thủy điện thuộc phường A, thị xã A thì H1 tháo biển kiểm soát xe 77G1-417.78 ném xuống đập thủy điện rồi về nhà ngủ.

Ngày 24/4/2018, Công an thị xã A kiểm tra hành chính nhà Nguyễn Ngọc H1 phát hiện những bộ phận của xe mô tô 77G1-417.78 nên lập biên bản tạm giữ.

Ngày 09/5/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh-bạc, số máy G3D4E314259, số khung 0610GY299355 trị giá 32.000.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 21/QĐ-VKSAN ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Hùng Long H2 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*\* Về hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng Long H2 từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng tù.

\* *Về bồi thường thiệt hại:* Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường xong, nên miễn xét.

\* *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi của các bị cáo: Là những công dân có đầy đủ khả năng nhận thức để biết rằng quyền sở hữu tài sản hợp pháp được Nhà nước và pháp luật quan tâm bảo vệ. Bộ luật Hình sự đã quy định những chế tài nghiêm khắc để xử lý, nghiêm trị những đối với những ai có hành vi xâm hại tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật. Bất chấp những quy định đó, hai bị cáo Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Hùng Long H2 với bản tính lười lao động, nhưng lại thích ăn chơi, tiêu xài đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ lời khai nhận tội. Lời khai nhận của hai bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 22 giờ ngày 14/10/2017, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý tài sản của anh Trần Quốc H, bị cáo Nguyễn Ngọc H1 rủ Nguyễn Hùng Long H2 lén lút trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu xanh-bạc biển kiểm soát 77G1-417.78 đang dựng tại sân nhà ở khu vực Ti, phường N, thị xã A, có trị giá 32.000.000đ. Với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, hai bị cáo Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Hùng Long H2 đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Khi hai bị cáo thực hiện hành vi thì Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành, nên hành vi của hai bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử lý bằng pháp luật hình sự.

Trong vụ án này Nguyễn Ngọc H1 rủ rê bị cáo Nguyễn Hùng Long H2 thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp thực hành, bị cáo lại có nhân thân xấu, nên cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo Nguyễn Hùng Long H2 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và tiền bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì khác, nên miễn xét

Bà Võ Thị X (mẹ bị cáo H1) và ông Nguyễn Văn B (cha bị cáo H2) đã thay các bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Tại phiên tòa, bà X, ông B không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường, nên miễn xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A đã xử lý xong, nên miễn xét.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo H1 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng Long H2 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo H2 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận giải quyết xong, nên miễn xét

\* Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã An Nhơn đã xử lý xong, nên miễn xét.

\* Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hùng Long H2 phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ

\* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Thanh Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Hà**